

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 626/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; thường trú: Xã Th L, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ HB, khu phố T L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân Tr, sinh năm 1984; thường trú: Xã Th L, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ HB, khu phố T L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân Tr sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoản 03 năm, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th L, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, cấp ngày 12/3/2018. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại tổ HB, khu phố T L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương

cho đến nay. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Nay nguyên bị đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Tr.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Xuân Tr:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 04/8/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/8/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 14/9/2020 và ngày 30/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Loan và anh Tr do Tòa án tiến hành ngày 17/7/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị H và anh Tr trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị H không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 14/9/2020 và ngày 30/9/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân Tr tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th L, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, cấp ngày 12/3/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh Tr được. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Trần Xuân Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Xuân Tr (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 do Ủy ban nhân dân xã Th L, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/3/2018).

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040863 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã Th L (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công